

Số: *985* /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày *26* tháng *4* năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục năm học 2024-2025;  
giao, tạm giao biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng trong các  
đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;  
Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí  
việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế  
các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và  
các tỉnh, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ  
về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị  
sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 46-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức  
Trung ương về biên chế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 3213-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức  
Trung ương về biên chế tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 566/NQ-HĐND ngày 11/4/2025 của Hội đồng nhân  
dân tỉnh khóa XVII - kỳ họp thứ hai mươi sáu giao bổ sung biên chế sự nghiệp  
giáo dục năm học 2024-2025; giao biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng trong  
các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ năm  
2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 97/TTr-SNV ngày  
18/4/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao bổ sung 62 biên chế giáo viên theo Quyết định số 3213-  
QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương cho các cơ sở giáo  
dục mầm non, tiểu học trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố năm  
2025, cụ thể:

1. Giáo viên mầm non: 34 biên chế;
2. Giáo viên tiểu học: 28 biên chế.

**Điều 2.** Giao, tạm giao số lượng người làm việc (*biên chế sự nghiệp*), lao  
động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-  
CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2025,  
cụ thể như sau:

1. Giao số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và dự phòng : 20.748 biên chế, trong đó:

a) Tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước: 20.711 biên chế.

b) Dự phòng: 37 biên chế.

2. Giao số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 870 biên chế.

3. Tạm giao số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 74 biên chế, trong đó:

a) Tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NTSN: 69 biên chế,

b) Dự phòng: 05 biên chế.

4. Giao số lao động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 1.738 người, trong đó:

a) Hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước: 184 người hưởng lương (trong đó: Tổng số lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước 174 người; dự phòng 10 người).

b) Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ (trong định mức khoán chi hoạt động) được ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định: 1.554 người (trong đó: Tổng số lao động hợp đồng sử dụng nguồn kinh phí tự chủ 1.549 người, dự phòng 05 người).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

**Điều 3.** Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Quyết định giao, tạm giao cụ thể số giáo viên được bổ sung cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đảm bảo theo vị trí việc làm và các quy định khác có liên quan đến từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (riêng sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập thực hiện giao đến từng vị trí cán bộ quản lý, nhân viên hành chính, giáo viên của từng môn học, tổ hợp môn học; sự nghiệp y tế đến từng chức danh nghề), trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND tỉnh về việc giao, tạm giao số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng và gửi Sở Nội vụ 01 bản để theo dõi, kiểm tra theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ được giao, tạm giao tại Điều 1, 2 Quyết định này đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

3. Chỉ đạo thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí, điều chuyển, sử dụng viên chức gắn với vị trí việc làm, yêu cầu công việc và quá trình điều động, luân chuyển cán bộ và việc triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự

nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và các quy định của Đảng, Nhà nước.

4. Có giải pháp nâng cao mức tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, theo đó giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng chủ trương theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, giai đoạn 2022-2026.

5. Thực hiện cơ cấu, tinh giản biên chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

6. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc quản lý số biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh gắn với tinh giản biên chế đảm bảo theo quy định hiện hành; Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng và quản lý số biên chế sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành: Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Công thương; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Tư pháp; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Báo Hưng Yên; Kho bạc nhà nước khu vực IV; Hiệu trưởng các Trường: Cao đẳng Cộng đồng; Y tế; Kinh tế kỹ thuật Tô Hiệu; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC<sup>D</sup>.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

**PHỤ LỤC**

**Sổ biên chế sự nghiệp giáo dục được giao bổ sung năm học 2024-2025; giao, tạm giao biên chế sự nghiệp, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 16/4 /2025 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025					Ghi chú	
			Số biên chế sự nghiệp			Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111			
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN	Số tạm giao	Hưởng lương NSNN		Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động
	<b>TỔNG I + II+III</b>	62	21692	20748	870	74	184	1554	
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>		3901	3547	285	69	134	191	
<b>1</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh</b>		15	13		2	1	6	
	Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh		15	13		2	1	6	
<b>2</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ</b>		70	43	27	0	10	5	
	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		17	15	2		3	2	
	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công		23	23			6	1	
	Trung tâm Dịch vụ việc làm		30	5	25		1	2	
<b>3</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài chính</b>		14	12	0	2	0	3	
	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp		14	12		2		3	
<b>4</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Công thương</b>		10	10					
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		10	10					
<b>5</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng</b>		25	22		3	1	13	

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025						Ghi chú
			Số biên chế sự nghiệp			Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111			
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN	Số tạm giao	Hưởng lương NSNN	Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động	
	Ban Điều hành vận tải và kiểm tra tài trọng xe		25	22		3	1	13	
6	<b>Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ</b>		42	24	0	18	1	8	
		Trung tâm Công nghệ thông tin	10	9		1		3	
	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		17			17		3	
	Trung tâm Thông tin, Thống kê, ứng dụng KH-CN		15	15			1	2	
7	<b>Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp</b>		21	21	0	0	1	1	
		Trung tâm Trợ giúp Pháp lý nhà nước	21	21			1	1	
8	<b>Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>		207	207	0	0	4	11	
		Trung tâm Khuyến nông	52	52			1	3	
	Trung tâm nước sạch sinh hoạt và vệ sinh môi trường		16	16			1	2	
	Các trạm thú y (10 trạm)		59	59				2	
	Các Trạm bảo vệ thực vật (11 trạm)		48	48			1	2	
	Các Hạt quản lý đê		32	32			1	2	

Thành lập  
Trung tâm  
Nước và Kỹ  
thuật nông  
nghiệp tại  
Quyết định số  
665/QĐ-  
UBND ngày  
20/3/2025 của  
UBND tỉnh

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025								Ghi chú
			Số biên chế sự nghiệp				Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111		Hưởng lương NSNN	Số dụng nguồn kinh phí từ chủ trong định mức khoán chi hoạt động	
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN	Số giao (do có định mức hoặc thống nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao	Sử dụng nguồn kinh phí từ chủ trong định mức khoán chi hoạt động			
9	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	2040	1906	134	0	23	81				
	Các trường THPT (24 trường)	1852	1721	131			72				
	Trường Liên cấp (01 trường)	70	67	3			6				
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	18	18			1	3				
	Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ	50	50			11					
	Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu	50	50			11					
10	Sở Y tế	829	725	104	0	51	42				
10.1	Đơn vị có giường bệnh	558	454	104	0	25	29				
	Bệnh viện Phổi	140	113	27		3	12				
	Bệnh viện Mắt	57	34	23		6					
	Bệnh viện Tâm thần kinh	128	115	13		8	3				
	Bệnh viện Y dược cổ truyền	172	141	31		4	11				
	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	61	51	10		4	3				
10.2	Đơn vị không có giường bệnh	177	177	0	0	11	11				
	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	21	21			1	1				

Số giao, tạm giao năm 2025										
TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số biên chế sự nghiệp				Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111			Ghi chú
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN		Hưởng lương NSNN	Số tạm giao	Số dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động	
					Số giao (do có định mức hoặc thống nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao				
	Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa		26	26			2			
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh		100	100			7		7	
	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ		30	30			1		3	
<b>10.3</b>	<b>Đơn vị khác</b>		<b>94</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>		<b>2</b>	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội		24	24			6		1	
	Trung tâm Điều dưỡng Tâm thần kinh		70	70			9		1	
<b>11</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>		<b>193</b>	<b>184</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>22</b>		<b>12</b>	
	Bảo tàng tỉnh		17	17			4			
	Thư viện tỉnh		17	17			3		1	
	Ban Quản lý di tích tỉnh		15	15			2		1	
	Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch		12	12			1			
	Trung tâm HL&TĐTĐTT		35	35			2		2	
	Nhà hát chèo Hưng Yên		66	59		7	5		4	
	Trung tâm Văn hóa tỉnh		31	29		2	5		4	
<b>12</b>	<b>Trường Cao đẳng công đồng</b>		<b>130</b>	<b>125</b>		<b>5</b>	<b>9</b>		<b>1</b>	
<b>13</b>	<b>Trường Cao đẳng Y tế</b>		<b>52</b>	<b>46</b>		<b>6</b>	<b>1</b>		<b>5</b>	

## Số giao, tạm giao năm 2025

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số biên chế sự nghiệp						Ghi chú	
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN			Hưởng lương NSNN		Số tạm giao
					Số giao (do có định mức hoặc thông nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao	Số biên chế hưởng lương công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111			
14	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu		147	132		15	7	1		
15	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (Bảo Hưng Yên)		106	77	20	9	3	2		Thực hiện giao, tạm giao để làm cơ sở chi trả lương trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về điều chuyển biên chế
II	CẤP HUYỆN	62	17749	17164	585	0	40	1358		
I	Thành phố Hưng Yên	22	1608	1562	46	0	2	134		
	Khối Mầm non	9	358	352	6			51		
	Khối Tiểu học	13	543	543				29		
	Khối THCS		456	445	11			43		
	Trung tâm GDNN-GDTX		29	29				3		
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		22	22			1	3		
	Trung tâm y tế thành phố		95	66	29		1	5		
	Y tế xã		105	105						

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025							Ghi chú
			Số biên chế sự nghiệp			Số biên chế hưởng lương		Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111		
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số giao (do có định mức hoặc thông nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao	Hưởng lương NSNN	Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động		
2	<b>Huyện Phú Cư</b>	<b>22</b>	<b>1305</b>	<b>1250</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>124</b>		
	Khối Mầm non	18	379	370	9			42		
	Khối Tiểu học	4	346	346				28		
	Khối THCS		324	314	10			38		
	Trung tâm GDNN-GDTX		20	20				3		
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		16	16				5		
	Trung tâm y tế huyện		120	84	36			2	8	
	Y tế xã		100	100						
3	<b>Huyện Văn Lâm</b>	<b>1750</b>	<b>1684</b>	<b>66</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>106</b>			
	Khối Mầm non	492	478	14			33			
	Khối Tiểu học	551	551				25			
	Khối THCS	452	439	13			32			
	Trung tâm GDNN-GDTX		20	20			3			
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		16	16			3			
	Trung tâm y tế huyện		123	84	39			3	10	
	Y tế xã		96	96						

## Số giao, tạm giao năm 2025

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số biên chế sự nghiệp						Ghi chú	
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN		Hưởng lương NSNN	Số dụng nguồn kinh phí tự chi trong định mức khoán chi hoạt động		
					Số giao (do có định mức hoặc thống nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao				
4	<b>Thị xã Mỹ Hào</b>		<b>1610</b>	<b>1522</b>	<b>88</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>115</b>		
	Khối Mầm non		428	373	55			39		
	Khối Tiểu học		473	473				26		
	Khối THCS		472	458	14			34		
	Trung tâm GDNN-GDTX		27	27				3		
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		16	16				3		
	Trung tâm y tế thị xã		97	78	19		1	10		
	Y tế xã		97	97						
5	<b>Huyện Tiên Lữ</b>		<b>11</b>	<b>1505</b>	<b>1448</b>	<b>57</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>121</b>	
	Khối Mầm non		11	396	396				45	
	Khối Tiểu học			428	428				33	
	Khối THCS			361	361				36	
	Trung tâm GDNN-GDTX			36	36				3	
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh			16	16				3	
	Trung tâm y tế huyện		170	113	57		12	1		
	Y tế xã		98	98						

## Số giao, tạm giao năm 2025

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số biên chế sự nghiệp				Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ; phục vụ theo ND 111		Ghi chú
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số biên chế hưởng lương từ NTSN		Hưởng lương NSNN	Số dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động	
					Số giao (do có định mức hoặc thống nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao			
6	<b>Huyện Ân Thi</b>		<b>1885</b>	<b>1841</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>169</b>	
	Khối Mầm non		509	509				63	
	Khối Tiểu học		565	565				41	
	Khối THCS		484	484				52	
	Trung tâm GDNN-GDTX		38	38			1	2	
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		16	16				3	
	Trung tâm y tế huyện		129	85	44		5	8	
Y tế xã		144	144						
7	<b>Huyện Kim Động</b>	<b>7</b>	<b>1645</b>	<b>1601</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>140</b>	
	Khối Mầm non	7	463	463				51	
	Khối Tiểu học		477	477				31	
	Khối THCS		405	405				44	
	Trung tâm GDNN-GDTX		23	23				3	
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		17	17				3	
	Trung tâm y tế huyện		139	95	44		3	8	
Y tế xã		121	121						

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025						Ghi chú
			Số biên chế sự nghiệp			Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111		Số biên chế hưởng lương từ nguồn NSNN	
			Tổng số	Số biên chế hưởng lương từ nguồn NSNN	Số giao (do có định mức hoặc thông nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao	Hưởng lương NSNN		
8	<b>Huyện Khoái Châu</b>		<b>2663</b>	<b>2593</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>205</b>	
	Khối Mầm non		755	755				75	
	Khối Tiểu học		747	747				49	
	Khối THCS		688	688				65	
	Trung tâm GDNN-GDTX		39	39			1	2	
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		18	18				4	
	Trung tâm y tế huyện		212	142	70		6	10	
	Y tế xã		204	204					
	<b>Huyện Văn Giang</b>		<b>1628</b>	<b>1548</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>99</b>	
Khối Mầm non		505	505				33		
Khối Tiểu học		476	476				19		
Khối THCS		398	398				29		
Trung tâm GDNN-GDTX		16	16				3		
Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		16	16				4		
Trung tâm y tế huyện		133	53	80		2	11		
Y tế xã		84	84						

TT	Đơn vị	Số biên chế giáo viên được giao bổ sung năm học 2024-2025	Số giao, tạm giao năm 2025						Ghi chú
			Số biên chế sự nghiệp		Số biên chế hưởng lương		Giao lao động HD làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111		
			Tổng số	Giao số hưởng từ nguồn NSNN	Số giao (do có định mức hoặc thông nhất của cấp có thẩm quyền)	Số tạm giao	Hưởng lương NSNN	Sử dụng nguồn kinh phí tự chủ trong định mức khoán chi hoạt động	
<b>10</b>	<b>Huyện Yên Mỹ</b>		<b>2150</b>	<b>2115</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>145</b>	
	Khối Mầm non		555	555				51	
	Khối Tiểu học		740	740				34	
	Khối THCS		574	574				44	
	Trung tâm GDNN-GDTX		28	28				3	
	Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh		17	17				3	
	Trung tâm y tế huyện		102	67	35		2	10	
	Y tế xã		134	134					
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>		<b>42</b>	<b>37</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	
1	Dự phòng nhân sự		5	5					
2	Cơ sở Điều trị nghiện ma túy		37	32		5	10	5	Để thực hiện bố trí nhân sự tương ứng theo Đề án của cấp có thẩm quyền chuyển sang Sở Y tế